TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Duy Quyết
ông Hà Xuân Ninh

- Thư ký phiên tòa: bà Giang Thị Mến - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị P, sinh ngày: 27/8/1993, căn cước công dân số: 037193003253, nơi cư trú: thôn X, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Trịnh Văn C, sinh ngày 10/5/1993, căn cước công dân số: 037093004143, nơi cư trú: thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: thôn Tây L, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Phạm Thị P trình bày: chị và anh Trịnh Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình vào ngày 20/9/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh C ở thôn Tây Lãng Nội, xã Gia Vân, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Do vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng

không đạt được kết quả. Năm 2023, chị đi xuất khẩu lao động tại nước Nga. Kể từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Khi chị về nước, chị không về chung sống với anh C mà về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Xuân Đài, xã Gia Vân để sinh sống. Chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trịnh Nam Phong, sinh ngày 18/12/2020. Khi ly hôn, nếu anh C có nguyện vọng nuôi con chung thì chị đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng. Trường hợp anh C không muốn nuôi con thì chị xin được trực tiếp nuôi cháu Phong, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không đề nghị tòa án giải quyết. Chị P đề nghị tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Ý kiến của bị đơn - anh Trịnh Văn C: anh C xác nhận việc kết hôn, thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, công nợ chung giữa anh và chị P đúng như chị P đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, ngoài việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau thì còn có nguyên nhân do chị P có thời gian đi xuất khẩu lao động tại Nga, sau đó về nước nhưng không liên lạc, quan tâm gì đến anh C, không về chung sống với anh C. Anh xác định vợ chồng sống ly thân hơn 02 năm nay, bản thân chị P ngoại tình và có thai với người đàn ông khác nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, anh không thể thuận tình ly hôn với chị P do anh theo đạo Công giáo. Anh đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị P theo quy định của pháp luật. Khi ly hôn, anh đề nghị tòa án cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phong, chị P cấp dưỡng hay không thì tùy. Bản thân anh hiện là lao động tự do, thu nhập hàng tháng từ 15 triệu đồng trở lên. Từ khi chị P đi lao động ở nước ngoài, cháu Phong do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Mẹ đẻ anh sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở cho anh và con, hỗ trợ anh chăm sóc, đưa đón cháu Phong đi học. Anh đề nghị tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tòa án tiến hành xác minh tại xã Gia Vân, tỉnh Ninh Bình được biết: vợ chồng anh C, chị P chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh C ở thôn Tây Lãng Nội, xã Gia Vân. Anh C, chị P có mâu thuẫn từ năm 2021, cụ thể như thế nào thì chính quyền địa P không nắm được. Chị P đã đi lao động xuất khẩu, khi về nước thì sống tại nhà bố mẹ đẻ chị P mà không sống cùng anh C nữa. Anh C, chị P sống ly thân hơn 02 năm nay. Anh C, chị P có 01 con chung hiện đang sống cùng với anh C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX: căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: cho chị P ly hôn anh C; giao cháu Phong cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi; chị P phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh anh C, chị P được xác lập khi anh C, chị P đã đủ tuổi kết hôn, trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh C, chị P phải có trách nhiệm cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, anh C, chị P luôn bất đồng quan điểm, không thống nhất, giải quyết được các vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng. Cả anh C, chị P đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân với nhau hơn 02 năm. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C, chị P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu của chị P về việc ly hôn với anh C theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh C, chị P đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Nam Phong. Từ khi chị P đi lao động xuất khẩu đến nay, cháu Phong do anh C nuôi dưỡng. Hiện anh C vẫn có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn, không bắt buộc chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị P cũng đồng ý để anh C nuôi con chung nên cần giao cháu Phong cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu Phong.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: chị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn C và chị Phạm Thị P.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Trịnh Nam Phong, sinh ngày 18/12/2020 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hàng tháng, chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị P phải nộp 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000852 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Chị P còn phải nộp 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng).*

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 3- Ninh Bình;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND xã Gia Vân, tỉnh Ninh Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, TA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Vũ Thị Kim Oanh